

Bản án số: 309/2025/HS-PT

Ngày 23-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 115/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Lê Minh T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2025/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị cáo không kháng cáo:

Lê Minh T, sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp L, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn T1 và con bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại kháng cáo: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp H, Xã M, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: Số A khu B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số A khu B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T quen biết với Thạch Thị L qua việc T cho L vay số tiền 2.200.000.000 đồng. Ngoài ra, T còn giới thiệu L vay tiền của vợ chồng ông Thân

Văn L1, bà Nguyễn Thị L2 cùng ngụ tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã M, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vào ngày 22/01/2023, Thạch T2 là anh trai của L bị Công an xã M (nay là Công an xã M, Thành phố Hồ Chí Minh) bắt quả tang về hành vi đánh bạc, sau đó vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thụ lý và tạm giữ Thạch T2 trong thời gian 09 ngày. Đến ngày 01/02/2023, T2 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến khoảng tháng 5/2023, L liên hệ T để nhờ lo cho T2 được hưởng án treo nên T hẹn gặp nói chuyện. Đến giữa tháng 5/2023 (*không rõ ngày*), L gọi hẹn gặp T tại quán cà phê “Tuyệt Băng”, địa chỉ ấp H, xã M, huyện D (nay là xã M, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, L gặp T và Phạm Văn Hoàng T3 (là bạn quen biết T và L), L nhờ T về việc lo cho T2 được hưởng án treo. Qua nói chuyện, L hỏi T: “*anh T2 có bị đi tù không?*” T trả lời: “*Phải lo chạy*” nên L hỏi: “*Khoảng 200 triệu đồng được không?*” Thì T trả lời: “*Cỡ đó, nếu không được thì kháng cáo về tỉnh*”.

Ngày 01/6/2023, L gọi điện thoại cho T nhờ bảo lãnh cho L vay của vợ chồng ông Thân Văn L1, bà Nguyễn Thị L2 200.000.000 đồng, T đồng ý nên L đến nhà ông L1 nhận số tiền trên. Ngày 09/6/2023, L chuyển khoản 50.000.000 đồng cho T thông qua ứng dụng Smart Banking trên điện thoại di động với nội dung chuyển tiền là “*chạy án cho Thạch T2*”. Sau khi chuyển tiền, L gọi điện thoại cho T và ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa L và T thể hiện việc “*L đã chuyển cho T 50.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng, L sẽ đưa cho T trước ngày 14/6/2023, T nói L đưa tiền sớm không thất hứa với họ mất uy tín...*”. Sau khi nhận 50.000.000 đồng từ L, Trưởng tìm hiểu vụ án đánh bạc xảy ra ngày 22/01/2023 tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã M, Thành phố Hồ Chí Minh) do Thạch T2 cùng đồng phạm thực hiện do bà L3 Chánh án Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý. Tuy nhiên, T không liên hệ hỏi về việc của T2 mà T cho rằng T2 đang được tại ngoại, khả năng xử án treo. Đến ngày 14/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đưa vụ án ra xét xử và tuyên xử phạt đối với bị can Thạch T2 mức hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. T biết được mức hình phạt của T2 trùng hợp với mong muốn của T nên T yêu cầu L đưa số tiền 150.000.000 đồng mà L đã hứa đưa cho T nhưng L không đồng ý và có đơn tố cáo T về hành vi trên.

* Vật chứng thu giữ: 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) do bị cáo Lê Minh T giao nộp.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Thạch Thị L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

Cáo trạng số 40/CT-VKSBD-P2 ngày 14 tháng 01 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Minh T mức hình phạt tù 02

năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Xử lý vật chứng: Xét tiền bà L giao cho T để thực hiện hành vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu nhận lại tiền do bị cáo T giao nộp nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách nhà nước 50.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2025/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s và v khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 09/4/2025).

Giao bị cáo Lê Minh T về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo Lê Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, bị hại Thạch Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng xử hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lê Minh T.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và mong Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: đơn kháng cáo của bị hại thực hiện trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo Lê Minh T quen biết với bà Thạch Thị L qua việc cho vay tiền và gói thiệu cho vay tiền. T là người không có trách nhiệm trong việc điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án đánh bạc do Thạch T2 là anh của Thạch Thị L thực hiện. Tuy nhiên, T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có mối quan hệ quen biết, có khả năng tiếp cận người có thẩm quyền xét xử vụ án, tác động lo cho Thạch T2 được hưởng án treo nên bà L tin tưởng giao 50.000.000 đồng cho T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Bị cáo có

nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình và có nơi cư trú ổn định có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị cáo đi chấp hành hình phạt tù là không vi phạm quy định của pháp luật cũng như không ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm tại địa phương. Nhận thấy, mức hình phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hình vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị hại Thạch Thị L.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Thạch Thị L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Khi nói lời sau cùng, bị cáo T mong Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị hại thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh), hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Lê Minh T là người không có trách nhiệm trong việc điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án đánh bạc xảy ra ngày 22/01/2023 tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã M, Thành phố Hồ Chí Minh) do Thạch T2 là anh ruột của Thạch Thị L thực hiện. Tuy nhiên, T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có mối quan hệ quen biết, có khả năng tiếp cận người có thẩm quyền xét xử vụ án, tác động lo cho Thạch T2 được hưởng án treo nên bà L tin tưởng giao 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho T. Sau khi nhận số tiền trên, T không thực hiện như thỏa thuận với bà L và sử dụng cá nhân hết số tiền trên. Hành vi của bị cáo Lê Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 40/CT-VKSBD-P2 ngày 14 tháng 01 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và

luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành chủ trương chính sách của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tòa án sơ thẩm xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị hại không có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị hại không phải chịu án theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Thạch Thị L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s và v khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 09/4/2025).

Giao bị cáo Lê Minh T về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án

treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo Lê Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị hại Thạch Thị L không phải chịu án phí.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh (3);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 – Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng (1);
- Ủy ban nhân dân phường Tây Nam, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, 20, (76).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Tùng

